TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2023/HNGĐ - ST Ngày 19-7-2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Vân

Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

ĐKHKTT: Tiểu khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Lương Văn N, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

ĐKHKTT: Tiểu khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2023, bản tự khai ngày 06/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2005 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, anh N không

tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị và gia đình đã nhiều lần hòa giải, phân tích nhưng anh N không thay đổi lối sống. Đến năm 2009 anh N vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù. Sau đó chị đi xuất khẩu lao động từ năm 2010 đến năm 2022. Vợ chồng sống ly thân 14 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay anh N đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn N.

- Về con chung: Chị T và anh N có 2 con chung là Lương Văn Nh, sinh ngày 01/5/2007 và Lương Như Y, sinh ngày 25/5/2009. Hiện nay 2 con đang ở với chị T. Nguyện vọng của chị T khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn N. Về con chung: Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động 2 con ở với bà nội, chị vẫn có trách nhiệm với con. Từ đầu năm 2023 đến nay 2 con ở với chị tại xã L, huyện C. Hiện nay anh N đang bị tạm giam, không có điều kiện nuôi con. Chị có đủ điều kiện nuôi 2 con, 2 con cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, tại Bản tự khai ngày 08/6/2023 của anh Lương Văn N và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh bị đơn anh Lương Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào ngày 19/9/2005 và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng nhau đến năm 2009 anh đi chấp hành án. Đến năm 2011 chị T đi xuất khẩu lao động. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không có nhưng đã sống ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn nên không còn khả năng đoàn tụ. Chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung như chị T trình bày. Hiện nay 2 con đang ở với bà nội. Khi vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi 2 con anh không đồng ý. Nguyện vọng của anh là để 2 cháu cho bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh nên anh không thể có mặt tham gia trong quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống. Do đó anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân giữa anh và chị T.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị T và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/10/2005, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn anh N.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là Lương Văn Nh và Lương Như Y. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lương Văn N có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn với anh Lương Văn N là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn N có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Lương Văn N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh N theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lương Văn N dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân là do mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Từ đó cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài. Tại phiên tòa chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy chị T và anh N đã sống ly thân 14 năm nay, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh N là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh N có 2 con chung là Lương Văn Nh, sinh ngày 01/5/2007 và Lương Như Y, sinh ngày 25/5/2009. Hiện nay 2 con đang ở với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con. Các con đều có nguyện vọng xin được ở với chị T. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi 2 con. Hiện nay anh N đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh về tội "Cưỡng đoạt tài sản" nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Tại Biên bản xác minh ngày 03/7/2023 bà Trần Thị M (là mẹ đẻ của anh Lương Văn N) đồng ý giao 2 cháu cho chị T trực

tiếp nuôi dưỡng vì bản thân bà già yếu không thể chăm sóc cho 2 cháu được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 2 cháu Lương Văn Nh và Lương Như Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị T được ly hôn anh Lương Văn N.

2. Về con chung: Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung là Lương Văn Nh, sinh ngày 01/5/2007 và Lương Như Y, sinh ngày 25/5/2009. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lương Văn N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0007247 ngày 04/4/2023. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Lưu hs, vp.

Trịnh Thị Hà